

Số: /QĐ-GDDĐT

Thành phố Thủ Đức, ngày tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố Thủ Đức
năm học 2024-2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về thành lập Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về bổ nhiệm Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kết quả Kỳ thi chọn đội tuyển Học sinh giỏi lớp 9 dự thi cấp Thành phố Hồ Chí Minh - Khóa ngày 26/10/2024 năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Tổ chuyên môn trung học cơ sở Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 1282 học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi lớp 9 thành phố Thủ Đức bậc Trung học cơ sở năm học 2024-2025 bộ môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, Tin học, Công nghệ, Giải toán trên máy tính cầm tay (MTCT) (Danh sách đính kèm);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban tổ chức Kỳ thi chọn đội tuyển Học sinh giỏi lớp 9 dự thi cấp Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2024-2025, Hiệu trưởng các trường Trung học cơ sở và các cá nhân có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Thái.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thái Vĩnh Nguyên

DANH SÁCH
Công nhận học sinh giỏi lớp 9 cấp thành phố Thủ Đức
năm học 2024-2025

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-GDDT ngày tháng 3 năm 2025
của Phòng Giáo dục và Đào tạo)*

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
1	Nguyễn Thế Anh	9/4	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
2	Phạm Thị Thanh Ngọc	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
3	Lê Phúc Thịnh	9A4	THCS Thái Văn Lung	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
4	Hoàng Trung Hiếu	9/4	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
5	Võ Anh Thư	9.10	THCS Phước Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
6	Nguyễn Thành Chương	9/1	THCS Tam Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
7	Võ Minh Tấn Phát	9/4	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
8	Lê Nguyễn Tuệ Nhi	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
9	Phan Ngọc Vy	9A1	THCS Tân Phú	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
10	Hoàng Anh Tài	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
11	Lê Ngọc Bảo Hân	9A6	THCS Hưng Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
12	Dương Tuấn Anh	9A3	THCS Hoa Lư	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
13	Mai Thiên Phú	9A4	THCS Hoa Lư	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
14	Lại Đức Thịnh	9A5	THCS Bình Chiểu	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
15	Bùi Tiến Khải	9/1	THCS Tam Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
16	Cù Thị Duyên	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
17	Trần Gia Huy	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
18	Tô Nhã Nguyên	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
19	Đinh Hà Huy	9A6	THCS Hưng Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
20	Quách Minh Anh	9T1	THCS Hoa Lư	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
21	Vũ Thị Ngọc Ánh	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
22	Hoàng Mai Anh	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
23	Trần Hải Nam	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Công nghệ 9 (Công nghiệp)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
24	Huỳnh Minh Khôi	9A1	THCS Tân Phú	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
25	Nguyễn Minh Thy	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
26	Nguyễn Gia Phú	9/1	THCS Tam Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
27	Nguyễn Trung Hiếu	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
28	Lê Quảng Triều	9A1	THCS Tân Phú	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
29	Nguyễn Trần Quang	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
30	Võ Hà Hồng Nhật	9A2	THCS Nguyễn Văn Bá	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
31	Nguyễn Thị Huyền Trang	9A1	THCS Tân Phú	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
32	Nguyễn Đức Huy	9/3	THCS Tam Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
33	Bạch Ngọc Khánh Thy	9/1	THCS Tam Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
34	Nguyễn Thị Duyên Ngọc	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
35	Nguyễn Thị Thanh Hằng	9/1	THCS Xuân Trường	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
36	Nguyễn Duy Quang	9A3	THCS Hoa Lư	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
37	Tổng Minh An	9A1	THCS Linh Trung	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
38	Võ Minh Thành	9A6	THCS Hưng Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
39	Lê Đình Bảo Nghi	9/4	THCS Linh Trung	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
40	Phí Trịnh Minh Ánh	9A2	THCS An Phú	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
41	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
42	Nguyễn Vũ Gia Bảo	9T1	THCS Hoa Lư	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
43	Nguyễn Thị Phương Thảo	9/5	THCS Tam Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
44	Trần Thanh Vân	9.10	THCS Phước Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
45	Nguyễn Hoàng Thịnh	9.10	THCS Phước Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
46	Võ Hoài Mỹ Phương	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
47	Đỗ Hoàng Bảo Ngân	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
48	Phạm Ngọc Khánh Hà	9/4	THCS Tam Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
49	Trần Tuấn Khang	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
50	Nguyễn Bảo Minh	9A8	THCS Nguyễn Văn Bá	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
51	Đoàn Diệp Minh Anh	9/2	THCS Trường Thọ	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
52	Bùi Phạm Minh Quang	9A5	THCS Nguyễn Văn Bá	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
53	Lê Ngọc Kim Hằng	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
54	Nguyễn Lê Minh Thư	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
55	Nguyễn Vũ	9A1	THCS Nguyễn Thị Định	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
56	Nguyễn Thị Thanh Hà	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
57	Nguyễn Hồng Nhi	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
58	Trần Vũ Minh Phú	9/7	THCS Trường Thọ	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
59	Bùi Thùy Trang	9.2	THCS Long Bình	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
60	Nguyễn Ngọc Thiên Ý	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
61	Hồ Thái Hưng	9A2	THCS Trường Thạnh	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
62	Lê Quỳnh	9A2	THCS Nguyễn Văn Bá	Công nghệ 9 (Công nghiệp)
63	Nguyễn Chí Khang	9A3	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
64	Trịnh Phương Linh	9A1	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
65	Hoàng Nguyễn Thúy Vy	9A3	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
66	Lê Minh Hoàng	9A1	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
67	Nguyễn Gia Bảo	9A3	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
68	Phan Bảo Quyên	9A1	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
69	Phạm Trịnh Anh Thư	9A1	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
70	Hồng Minh Thắng	9A1	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
71	Trình Thị Minh Minh	9A2	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
72	Nguyễn Thụy Lan Dương	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
73	Võ Tường Vy	9A2	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
74	Giáp Thanh Phương Tín	9A2	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
75	Trần Thu Hiền	9/4	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
76	Nghiêm Xuân Trường Giang	9/7	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
77	Nguyễn Trung Sơn	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
78	Trần Ngọc Bảo Hân	9/7	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
79	Trần Vạn Tuấn Anh	9/6	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
80	Mai Ngọc Phương Anh	9/7	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
81	Nguyễn Thiên Kim	9/7	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
82	Nguyễn Trà My	9/7	THCS Dương Văn Thì	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
83	Trần Ngọc Bảo Châu	9/6	THCS Dương Văn Thì	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
84	Lê Viết Khôi	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
85	Nguyễn Bảo Trân	9/7	THCS Dương Văn Thì	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
86	Trần Thanh Nga	9/7	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
87	Bùi Nguyễn Tường Vy	9/7	THCS Tăng Nhơn Phú B	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
88	Trần Ánh Ngọc	9/7	THCS Dương Văn Thì	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
89	Nguyễn Trần Thực Quyên	9A3	THCS Phú Hữu	Công nghệ 9 (Nông nghiệp)
90	Tương Huy Vũ	9A9	THCS Bình Chiểu	Giải toán trên MTCT 9
91	Trịnh Ngọc Hải	9A6	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
92	Hoàng Minh Quân	9A3	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
93	Lê Đức Trung	9T1	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
94	Chu Gia Bảo	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Giải toán trên MTCT 9
95	Bàn Viễn Thanh	9A7	THCS Trần Quốc	Giải toán trên MTCT 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
	Giang		Toản	
96	Phạm Lê Hương Giang	9A10	THCS Bình Chiểu	Giải toán trên MTCT 9
97	Trịnh Quốc Định	9A9	THCS Bình Chiểu	Giải toán trên MTCT 9
98	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	9A3	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
99	Trần Đức Huy	9A3	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
100	Đặng Quỳnh Như	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Giải toán trên MTCT 9
101	Huỳnh Minh Quân	9T1	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
102	Lê Nguyễn Hồng Phát	9A1	THCS Hiệp Phú	Giải toán trên MTCT 9
103	Nguyễn Hiếu Thuận	9/2	THCS Trường Thọ	Giải toán trên MTCT 9
104	Nguyễn Thu Thảo	8A4	THCS Thái Văn Lung	Giải toán trên MTCT 9
105	Đỗ Trương Thành Tài	9A1	THCS Hiệp Phú	Giải toán trên MTCT 9
106	Phạm Hoàng Anh	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Giải toán trên MTCT 9
107	Vũ Hùng Anh	9.1	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
108	Phạm Thùy Dương	9A4	THCS Thái Văn Lung	Giải toán trên MTCT 9
109	Hồ Nguyễn Hưng	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Giải toán trên MTCT 9
110	Nguyễn Quang Huy	9A1	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
111	Nguyễn Trọng Khôi	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Giải toán trên MTCT 9
112	Nguyễn Tuấn Khoa	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Giải toán trên MTCT 9
113	Hoàng Thanh Khoa	8A1	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
114	Lê Minh Hưng	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Giải toán trên MTCT 9
115	Trương Phạm Khánh Ngọc	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Giải toán trên MTCT 9
116	Nguyễn Hoàng Quân	9/1	THCS Trường Thọ	Giải toán trên MTCT 9
117	Văn Triệu Vũ	9A1	THCS Giồng Ông Tố	Giải toán trên MTCT 9
118	Ngô Mai Trân	9A10	THCS Bình Chiểu	Giải toán trên MTCT 9
119	Bành Tiến Đạt	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
120	Nguyễn Ngọc Gia	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Giải toán trên MTCT 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
	Bảo			
121	Nguyễn Ngọc Thảo Hân	9A2	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
122	Lâm Tấn Phát	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Giải toán trên MTCT 9
123	Trần Văn Anh	8/1	THCS Trường Thọ	Giải toán trên MTCT 9
124	Phạm Gia Huy	8A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
125	Đặng Ngọc Hoàng Huy	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Giải toán trên MTCT 9
126	Phạm Đông Quân	9T2	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
127	Bùi Trần Anh Tuấn	9.4	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
128	Trần Nguyễn Tấn Vũ	8/2	THCS Bình Thọ	Giải toán trên MTCT 9
129	Đặng Thái Vinh	9A3	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
130	Trần Quang Huy	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
131	Huỳnh Phước Huy	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Giải toán trên MTCT 9
132	Trần Mỹ Phan	8A3	THCS Hiệp Bình	Giải toán trên MTCT 9
133	Võ Lê Bích Trâm	9A7	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
134	Nguyễn Ngọc Phương Vy	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
135	Trần Võ Minh Triết	9T2	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
136	Nguyễn Thái Hà Anh	8A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
137	Nguyễn Trung Đức	9A10	THCS Bình Chiểu	Giải toán trên MTCT 9
138	Trần Xuân Hiếu	9.4	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
139	Trần Ngọc Minh Khanh	9A1	THCS Hưng Bình	Giải toán trên MTCT 9
140	Lưu Tuấn Nghĩa	8/8	THCS Trần Quốc Toản 1	Giải toán trên MTCT 9
141	Huỳnh Nguyễn	9A3	THCS Lương Định Của	Giải toán trên MTCT 9
142	Nguyễn Chí Thanh	9A6	THCS Thái Văn Lung	Giải toán trên MTCT 9
143	Vũ Tấn Tài	9/3	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
144	Đinh Đăng Khoa	9A1	THCS Giồng Ông Tố	Giải toán trên MTCT 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
145	Hình Phước Khanh	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
146	Lê Vĩnh Khang	9A6	THCS Lương Định Của	Giải toán trên MTCT 9
147	Nguyễn Ngọc Phương Linh	8A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
148	Nguyễn Hải Bình	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Giải toán trên MTCT 9
149	Hồ Bá Duy Anh	9/1	THCS Trường Thọ	Giải toán trên MTCT 9
150	Ngô Minh Đức	9T1	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
151	Phan Đăng	9A4	THCS Lương Định Của	Giải toán trên MTCT 9
152	Nguyễn Tiến Đạt	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
153	Nguyễn Huy Hoàng	9A2	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
154	Nguyễn Hữu Khôi	9A1	THCS Hiệp Phú	Giải toán trên MTCT 9
155	Thạch Đăng Minh Khang	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Giải toán trên MTCT 9
156	Nguyễn Hữu Phước Khang	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Giải toán trên MTCT 9
157	Hồ Quang Minh	9A4	THCS Thái Văn Lung	Giải toán trên MTCT 9
158	Lê Minh Nhật	9.3	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
159	Lương Quang Tùng	8A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
160	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	9A6	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
161	Nguyễn Viết Trí	9.1	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
162	Bùi Thùy Anh	9.3	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
163	Nguyễn Trọng Đức Huy	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Giải toán trên MTCT 9
164	Mạc Huy Hoàng	7A1	THCS Lê Quý Đôn	Giải toán trên MTCT 9
165	Lưu Bá Tuấn Minh	9A1	THCS Hiệp Phú	Giải toán trên MTCT 9
166	Đỗ Cao Lương	8A4	THCS Thái Văn Lung	Giải toán trên MTCT 9
167	Đinh Thị Hải Nhi	8A11	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
168	Trần Ngọc Bảo	8A8	THCS Thái Văn	Giải toán trên MTCT 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
	Trâm		Lung	
169	Nguyễn Quang Hào	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
170	Nguyễn Duy Minh	9A4	THCS Thái Văn Lung	Giải toán trên MTCT 9
171	Nguyễn Thiện Nhân	9A2	THCS Đặng Tấn Tài	Giải toán trên MTCT 9
172	Nguyễn Mạnh Quân	8A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
173	Nguyễn Mai Phương	9A3	THCS Hoa Lư	Giải toán trên MTCT 9
174	Trần Bảo Gia An	9.4	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
175	Nguyễn Tiến Dũng	9A5	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
176	Nguyễn Tuấn Khanh	8A10	THCS Nguyễn Văn Bá	Giải toán trên MTCT 9
177	Hồ Minh	8A1	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
178	Phạm Nguyễn Quỳnh Như	9.1	THCS Phước Bình	Giải toán trên MTCT 9
179	Trần Khánh Ngọc	9A6	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
180	Trịnh Văn Thái Sơn	9A1	THCS Tân Phú	Giải toán trên MTCT 9
181	Đặng Hoàng Minh Hùng	8/2	THCS Bình Thọ	Giải toán trên MTCT 9
182	Nguyễn Minh Khoa	8/1	THCS Tam Bình	Giải toán trên MTCT 9
183	Phan Quỳnh Hương	9TH1	THCS Lương Định Của	Giải toán trên MTCT 9
184	Phạm Kim Cao Hưng	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Giải toán trên MTCT 9
185	Huỳnh Tôn Phương Nam	8/4	THCS Bình Thọ	Giải toán trên MTCT 9
186	Đặng Hoàng Nam	9A1	TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Giải toán trên MTCT 9
187	Phạm Tuấn Minh	9A	THCS Cát Lái	Giải toán trên MTCT 9
188	Lê Hoàng Nhân	9A1	THCS Trường Thạnh	Giải toán trên MTCT 9
189	Phạm Hoàng Ngọc Phương	9/1	THCS Xuân Trường	Giải toán trên MTCT 9
190	Nguyễn Phan Gia Phú	9A2	THCS Hiệp Phú	Giải toán trên MTCT 9
191	Chu Công Thành	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Giải toán trên MTCT 9
192	Trần Gia Huy	7A2	THCS Hiệp Bình	Giải toán trên MTCT 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
193	Hồ Gia Huy	9TH1	THCS Lương Định Của	Giải toán trên MTCT 9
194	Bùi Đức Tường	8/1	THCS Bình Thọ	Giải toán trên MTCT 9
195	Ngô Đăng Minh Nhi	9/2	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
196	Nguyễn Nhật Minh	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
197	Vũ Ngọc Minh Châu	9T1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
198	Nguyễn Minh Thái Uy	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
199	Trần Hoàng Hà Thi	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
200	Đặng Huy Hoàng	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
201	Hồ Công Hiếu	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
202	Giáp Thùy Dung	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
203	Nguyễn Ngọc Xuân Anh	9T1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
204	Phạm Ngọc Như Quỳnh	9A1	THCS An Phú	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
205	Danh Thành Thái	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
206	Nguyễn Trang Thy	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
207	Nguyễn Lương Khánh Hà	9A2	THCS Nguyễn Thị Định	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
208	Lê Nguyễn Anh Hào	9A1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
209	Đình Gia Khánh	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
210	Lê Trần Hiếu	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
211	Trương Nguyễn Tuyết Anh	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
212	Phan Hoàng Phúc	9A2	THCS Nguyễn Thị Định	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
213	Trần Nguyễn Minh Ngọc	9/1	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
214	Trần Lê Minh Châu	9T1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
215	Đặng Xuân Gia Bảo.	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
216	Nguyễn Cao Quỳnh Anh	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
217	Trần Khánh Linh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
218	Nguyễn Quán Gia	9A2	THCS Nguyễn Thị	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
	Huy		Định	
219	Huỳnh Lê Khang	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
220	Hoàng Tuấn Kiệt	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
221	Nguyễn Lê Minh Giang	9A1	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
222	Nguyễn Ngọc Lan Anh	9/6	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
223	Đặng Hoàng Nam	9A1	TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
224	Vũ Ngọc Gia Thoại	9/3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
225	Lê Tấn An	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
226	Đặng Thanh Tùng	9A8	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
227	Ngô Hoàng Ân	9/6	THCS Trần Quốc Toàn 1	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
228	Vũ Duy Anh	9A4	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
229	Bùi Phát Thịnh	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
230	Nguyễn Thị Bảo Thy	9A7	THCS Hiệp Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
231	Phan Huy Lâm	9/2	THCS Trương Văn Ngu	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
232	Nguyễn Huỳnh Thiên Phúc	9A3	THCS Hưng Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
233	Võ Nhựt Anh Nguyên	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
234	Lê Vũ Thiên Kiệt	9A1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
235	Võ Đình Anh	9A2	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
236	Nguyễn Chí An	9/1	THCS Dương Văn Thi	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
237	Vũ Triệu Anh Thy	9A7	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
238	Tổng Đặng Anh Thư	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
239	Bùi Vũ Kim Phụng	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
240	Võ Hoàng Nam	9/2	THCS Trần Quốc Toàn 1	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
241	Ung Triệu Phong	9.4	THCS Phước Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
242	Đoàn Ngọc Bảo Châu	9/3	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
243	Phu Vạn Như Ý	9A4	THCS Thái Văn Lung	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
244	Quách Triệu Vi	9/4	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
245	Nguyễn Trần Minh Thư	9A1	THCS Linh Trung	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
246	Nguyễn Bùi Khánh Đan	9T2	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
247	Lê Hoàng Bảo	9/3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
248	Phạm Nhất Nam	9A1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
249	Ngô Thị Cẩm Ly	9A1	THCS Hưng Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
250	Võ Đức Anh	9A2	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
251	Phạm Hoàng Khánh Nam	9A1	THCS Bình An	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
252	Vũ Ngọc Trâm Anh	9A4	THCS Thái Văn Lung	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
253	Hoàng Xuân Nhân	9/4	THCS Trương Văn Ngu	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
254	Lê Trọng Nghĩa	9A8	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
255	Nguyễn Đăng Dương	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
256	Quách Mỹ Uyên	9/4	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
257	Nguyễn Triệu Minh Ánh	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
258	Cao Phát	9/1	THCS Lê Văn Việt	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
259	Nguyễn Thị Diễm My	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
260	Nguyễn Thị Thùy Thương	9A8	THCS Hiệp Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
261	Nguyễn Hoài Thương	9/1	THCS Lê Văn Việt	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
262	Nguyễn Anh Minh	9A	Song ngữ Quốc tế Horizon	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
263	Trịnh Hà Bảo Châu	9/6	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
264	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	9A1	THCS Phú Hữu	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
265	Võ Hoàng Nhân	9.4	THCS Phước Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
266	Phạm Mai Ngân Khánh	9.2	THCS Phước Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
267	Lê Phạm Bảo Ngọc	9A10	THCS Bình Chiểu	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
268	Bùi Trần Thanh Thảo	9/5	THCS Hiệp Phú	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
269	Phan Khánh Hưng	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
270	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	9A7	THCS Hiệp Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
271	Bùi Đức Minh	9A1	THCS An Phú	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
272	Nguyễn Thành Lộc	9A7	THCS Hiệp Bình	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
273	Trần Nguyễn Minh Kha	9/1	THCS Trường Thọ	KHTN 9 (Chất và sự biến đổi chất)
274	Nguyễn Gia Bảo	9/3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
275	Hồ Hải Đăng	9TH2	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
276	Nguyễn Thái Khang	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
277	Hà Trịnh Minh Quốc	9/6	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
278	Nguyễn Đình Gia Phát	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
279	Vũ Ngọc Diệu Linh	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
280	Nguyễn Thanh Bình	9/3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
281	Trần Phước Lộc	9A1	THCS An Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
282	Nguyễn Gia Phúc	9T1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
283	Đào Anh Khoa	9A4	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
284	Trần Minh Đức	9T1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
285	Trần Ngô Trung Nghĩa	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
286	Phạm Minh Hoàng	9A2	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
287	Trần Đình Minh Phát	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
288	Bùi Hải Đăng	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
289	Phạm Trung Kiên	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
290	Đình Quang Trường	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
291	Nguyễn Quỳnh Chi	9A1	THCS An Phú	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
292	Đình Hữu Quang Nhân	9/3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
293	Phạm Tuấn Long	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
294	Bùi Đăng Khoa	9.3	THCS Phước Bình	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
295	Thân Quốc Thái	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
296	Phạm Thùy Linh	9TH2	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
297	Nguyễn Hoàng Khang	9.3	THCS Phước Bình	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
298	Trương Thế Anh	9A1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
299	Nguyễn Công Kiều Anh	9/4	THCS Hiệp Phú	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
300	Điền Ngọc Bảo Trân	9A1	THCS Hiệp Phú	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
301	Phạm Nhật Khánh	9T1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
302	Nguyễn Võ Minh Thư	9/3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
303	Hoàng Chung Hải	9TH2	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
304	Nguyễn Minh Quỳnh Thư	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
305	Nguyễn Quang Anh	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
306	Trần Hải Kim Ngân	9A3	THCS Hưng Bình	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
307	Nguyễn Công Thành Luân	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
308	Đình Hoàng Phúc	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
309	Phạm Ngọc Thành	9TH1	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
310	Nguyễn Đăng Khôi	9T1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
311	Phạm Nguyễn Gia Thịnh	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
312	Lý Bá Tùng	9A4	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)
313	Nguyễn Mạnh Hoàng Tuấn	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (NĂng lượng và sự biến đổi)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
314	Lâm Hải My	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
315	Nguyễn Hữu Hải Đăng	9TC	THCS Trường Thạnh	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
316	Lê Chí Công	9/8	THCS Hiệp Phú	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
317	Nguyễn Thanh Tâm	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
318	Dương Nguyễn Anh Thơ	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
319	Lê Ngọc Nhất Linh	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
320	Thi Gia Phú	9/1	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
321	Lý Tuấn Phong	9.3	THCS Phước Bình	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
322	Nguyễn Thị Thanh Trúc	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
323	Trần Vĩnh Tường	9/3	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
324	Đình Việt Hoàng	9/3	THCS Thạnh Mỹ Lợi	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
325	Đình Vũ Thanh Hà	9A4	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
326	Huỳnh Ngọc Khánh Chi	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
327	Lê Phương Thùy	9A6	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
328	Võ Hoàng Kim Ngân	9A5	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
329	Trần Nguyễn Bảo Nam	9/4	THCS Hiệp Phú	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
330	Nguyễn Bảo Ngọc	9A4	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
331	Trì Huỳnh Phương Nam	9A2	THCS An Phú	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
332	Trần Khả Nhi	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
333	Nguyễn Ngọc Thảo My	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
334	Lê Nguyễn Hoàng Minh	9/4	THCS Trương Văn Ngu	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
335	Phạm Hữu An	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
336	Trần Hồng Tấn Phát	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)
337	Lê Ngọc Khả Tú	9A4	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
338	Phan Ngọc Bảo Minh	9/3	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
339	Nguyễn Bảo Hân	9A1	THCS Phú Hữu	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
340	Trần Hoàng Linh Vi	9A3	THCS Hiệp Phú	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
341	Huỳnh Anh Khoa	9A2	THCS Linh Trung	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
342	Phạm Hùng Anh	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
343	Huỳnh Đức Kiến An	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
344	Nguyễn Ngọc Hân	9A1	THCS Trường Thạnh	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
345	Trần Trung Cường	9A1	THCS Long Phước	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
346	Phạm Tài Lộc	9A10	THCS Bình Chiểu	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
347	Đặng Phương Linh	9A2	THCS Nguyễn Văn Bá	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
348	Trần Nguyễn Phương Nhi	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
349	Nguyễn Ngọc Diễm My	9A1	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
350	Vũ Nhật Minh	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
351	Phan Gia Hân	9TH2	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
352	Lê Ngô Quỳnh Như	9A1	TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
353	Lê Trần Tùng Minh	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
354	Lê Quốc Huy	9/3	THCS Thạnh Mỹ Lợi	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
355	Nguyễn Quốc Cường	9.3	THCS Phước Bình	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
356	Đỗ Ngọc Thảo Nguyên	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
357	Phạm Đức Trọng	9.4	THCS Long Bình	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
358	Trương Ngọc Vân Giang	9A2	THCS Linh Trung	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
359	Lê Thị Thu Thủy	9A2	THCS Hiệp Bình	KHTN 9 (Năng lượng và sự biến đổi)
360	Nguyễn Nguyên Anh	9A7	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Vật sống)
361	Nguyễn Tuấn Minh	9/2	THCS Thạnh Mỹ Lợi	KHTN 9 (Vật sống)
362	Ninh Công Danh	9/3	THCS Thạnh Mỹ Lợi	KHTN 9 (Vật sống)
363	Trương Hoàng Khánh My	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Vật sống)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
364	Nguyễn Ngọc Việt Nam	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Vật sống)
365	Trần Xuân Bảo Sơn	9TH1	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Vật sống)
366	Hoàng Lê Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Vật sống)
367	Nguyễn Trung Hiếu	9A8	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Vật sống)
368	Phạm Phương Nga	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Vật sống)
369	Phan Lưu Trúc Uyên	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Vật sống)
370	Trần Đức Phú	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	KHTN 9 (Vật sống)
371	Trương Thị Thanh Ngọc	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Vật sống)
372	Nguyễn Đức Anh Khoa	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	KHTN 9 (Vật sống)
373	Dương Bá An Nam	9/3	THCS Thạnh Mỹ Lợi	KHTN 9 (Vật sống)
374	Nguyễn Hoàng Minh	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Vật sống)
375	Nguyễn Trung Quân	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Vật sống)
376	Huỳnh Bích Thu	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Vật sống)
377	Phạm Hoàng Đại Trí	9A1	THCS Long Phước	KHTN 9 (Vật sống)
378	Lê Văn Khánh Hoàng	9/1	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Vật sống)
379	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	9A11	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Vật sống)
380	Trần Mai Thanh Vân	9A3	THCS Hiệp Bình	KHTN 9 (Vật sống)
381	Lâm Quang Minh Nhật	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Vật sống)
382	Bùi Hoàng Sơn	9TC	THCS Trường Thạnh	KHTN 9 (Vật sống)
383	Nguyễn Minh Khôi	9A2	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Vật sống)
384	Dương Ngọc Như Phúc	9A3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Vật sống)
385	Nguyễn Anh Khoa	9TH1	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Vật sống)
386	Phạm Minh Anh	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Vật sống)
387	Nguyễn Thị Thanh Nhân	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Vật sống)
388	Vũ Ngọc Trâm Anh	9A4	THCS Hưng Bình	KHTN 9 (Vật sống)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
389	Ngô Hoàng An Hạ	9/3	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Vật sống)
390	Nguyễn Hoàng Lâm	9/3	THCS Hoa Lư	KHTN 9 (Vật sống)
391	Diệp Phúc Đăng Khôi	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Vật sống)
392	Bùi Uyên Vi	9A8	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Vật sống)
393	Phan Xuân Như	9TC	THCS Trường Thạnh	KHTN 9 (Vật sống)
394	Phạm Tuệ Mỹ	9/6	THCS Bình Thọ	KHTN 9 (Vật sống)
395	Nguyễn Tuấn Kiệt	9A1	THCS Hưng Bình	KHTN 9 (Vật sống)
396	Nguyễn Phương Nam	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	KHTN 9 (Vật sống)
397	Vũ Hoàng Minh Trí	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	KHTN 9 (Vật sống)
398	Hà Minh Thành	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Vật sống)
399	Phùng Minh Đức	9A1	THCS Long Phước	KHTN 9 (Vật sống)
400	Trương Gia Bảo	9A1	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Vật sống)
401	Nguyễn Lê Mai Anh	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Vật sống)
402	Nguyễn Ngọc Uyên Thy	9.2	THCS Long Bình	KHTN 9 (Vật sống)
403	Vũ Nam Phương	9A6	THCS Lương Định Cửa	KHTN 9 (Vật sống)
404	Nguyễn Như Hải My	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	KHTN 9 (Vật sống)
405	Lê Vũ Thùy Linh	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (Vật sống)
406	Phạm Gia Khang	9A7	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Vật sống)
407	Trần Nguyễn An Nhi	9A5	THCS Hưng Bình	KHTN 9 (Vật sống)
408	Phạm Lê An Na	9A2	THCS Phú Hữu	KHTN 9 (Vật sống)
409	Lê Hoài Thu	9/4	THCS Hiệp Phú	KHTN 9 (Vật sống)
410	Dương Bình Nguyên	9A4	THCS Thái Văn Lung	KHTN 9 (Vật sống)
411	Pang Ting Nguyễn Mình Hằng	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	KHTN 9 (Vật sống)
412	Đào Thị Ngọc Quỳnh	9A1	THCS Tân Phú	KHTN 9 (Vật sống)
413	Nguyễn Hoàng Phúc	9A1	THCS Tăng Nhơn	KHTN 9 (Vật sống)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
			Phú B	
414	Đỗ Quỳnh Nhi	9/1	THCS Giồng Ông Tố	KHTN 9 (Vật sống)
415	Trần Thu Nga	9TH2	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Vật sống)
416	Lê Ngọc Ánh Dương	9A2	THCS Trường Thạnh	KHTN 9 (Vật sống)
417	Hoàng Tiến Nam	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	KHTN 9 (Vật sống)
418	Nguyễn Trần Phương Anh	9/5	THCS Trường Thọ	KHTN 9 (Vật sống)
419	Nguyễn Bảo Ngọc	9A7	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Vật sống)
420	Nguyễn Quốc Thắng	9/1	THCS Giồng Ông Tố	KHTN 9 (Vật sống)
421	Lưu Nguyễn Bảo Ngọc	9A8	THCS Trần Quốc Toản	KHTN 9 (Vật sống)
422	Phạm Trần Trà My	9.1	THCS Phước Bình	KHTN 9 (Vật sống)
423	Nguyễn Trần Xuân Quỳnh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	KHTN 9 (Vật sống)
424	Lưu Ngọc Xuân Anh	9TH1	THCS Lương Định Của	KHTN 9 (Vật sống)
425	Nguyễn Tiến Huân	9A1	THCS An Phú	KHTN 9 (Vật sống)
426	Hồ Hoàng Khiêm	9A1	THCS Long Phước	KHTN 9 (Vật sống)
427	Nguyễn Trần Minh Thư	9A1	THCS Phú Hữu	KHTN 9 (Vật sống)
428	Phạm Thị Bảo Ngọc	9A2	THCS Hiệp Bình	KHTN 9 (Vật sống)
429	Nguyễn Phạm Tâm Anh	9/1	THCS Dương Văn Thị	KHTN 9 (Vật sống)
430	Nguyễn Nhật Hạ Tiên	9/1	THCS Tam Bình	KHTN 9 (Vật sống)
431	Đặng Ngọc Huyền Châu	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
432	Nguyễn Huyền Trang	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
433	Nguyễn Trúc Phương	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
434	Đinh Ngọc Phương Linh	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
435	Doãn Ngọc Như Ý	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
436	Hồ Thị Ngọc Thảo	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
437	Hồ Nhật Khang	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
438	Đặng Ngọc Thảo Linh	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
439	Trịnh Vương Gia Phú	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
440	Nguyễn Văn Chương	9/5	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
441	Tô Thanh Thủy Trúc	9A1	THCS Long Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
442	Phạm Phúc Toàn	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
443	Nguyễn Minh Khôi	9T1	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
444	Phùng Ngọc Hân	9/1	THCS Lê Văn Việt	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
445	Vũ Thị Ngọc Hân	9T1	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
446	Mai Võ Hoài Tâm	9A3	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
447	Trương Gia Hân	9A9	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
448	Huỳnh Yến Vy	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
449	Đặng Thị Thuý Vy	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
450	Huỳnh Uy Dũng	9A2	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
451	Bùi Hải Anh	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
452	Huỳnh Ngọc Gia Hân	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
453	Nguyễn Trần Nam Sơn	9T1	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
454	Nguyễn Gia Linh	9A3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
455	Hà Thị Kim Oanh	9A1	THCS Hiệp Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
456	Đỗ Uyên Lam	9A3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
457	Nguyễn Minh Như	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
458	Phạm Thị Mỹ Duyên	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
459	Nguyễn Gia Hân	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
460	Lê Nguyễn Đan Thanh	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
461	Vũ Nguyễn Phương Linh	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
462	Nguyễn Hoàng Ngọc Mai	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
463	Phạm Ngọc Phi Túy	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
464	Hồ Phạm Diễm Quỳnh	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
465	Trần Gia Bảo	9A2	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
466	Vương Hoàng Phúc	9A1	THCS Long Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
467	Lai Nguyễn Khánh Vy	9.3	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
468	Đình Vũ Thùy Anh	9T1	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
469	Nguyễn Gia Hân	9A7	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
470	Nguyễn Hoàng Thanh Thủy	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
471	Hà Bảo Hân	9.2	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
472	Chu Đình Anh Tuấn	9A2	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
473	Lê Bảo Kỳ	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
474	Nguyễn Ngọc Thanh Vi	9A2	THCS Ngô Chí Quốc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
475	Nguyễn Bình Thảo Vy	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
476	Mai Hoàng Trang	9A9	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
477	Ngô Xuân Lộc	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
478	Phạm Minh Anh	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
479	Huỳnh Ngọc Phương Linh	9A3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
480	Trịnh Minh Nghi	9.2	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
481	Nguyễn Văn Thuận	9A9	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
482	Bùi Ngọc Châu Anh	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
483	Nguyễn Thị Thúy Quyên	9A8	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
484	Ngô Đình Bảo Vân	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
485	Thái Đoàn Thiên Tú	9/2	THCS Dương Văn Thị	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
486	Bùi Ngọc Như	9A1	THCS Hưng Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
487	Nguyễn Trà My	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
488	Đặng Thị Ngọc Bảo	9A1	THCS Long Phước	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
489	Nguyễn Phương Vy	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
490	Lê Nguyễn Quế Anh	9A8	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
491	Lê Minh Trang	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
492	Phạm Nguyễn Nguyên Trân	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
493	Trần Phan Thanh Hoàng	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
494	Nguyễn Quốc Việt	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
495	Ngô Xuân Bảo Ngọc	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
496	Trần Ngọc Mai	9A9	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
497	Trần Khánh Ngọc	9.2	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
498	Vũ Dương Dũng	9/1	THCS Xuân Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
499	Lê Võ Ngọc Thảo	9.4	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
500	Nguyễn Đăng Minh Khuê	9/4	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
501	Lê Phạm Hoài Tâm	9A1	THCS Long Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
502	Nguyễn Phương Thảo	9/4	THCS Trần Quốc Toản 1	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
503	Nguyễn Cao Như Quỳnh	9A1	THCS An Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
504	Phạm Hồ Trung Kiên	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
505	Lâm Nguyễn Ngọc Huyền	9A9	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
506	Võ Nguyễn Mai Khôi	9B	THCS Cát Lái	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
507	Phan Anh Thụy	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
508	Nguyễn Vũ Minh Phương	9A9	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
509	Vũ Diệp Yến Nhi	9/5	THCS Xuân Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
510	Mai Ngọc Thủy Tiên	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
511	Hoàng Thị Mỹ Duyên	9/2	THCS Dương Văn Thị	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
512	Phạm Lê Khả Tú	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
513	Trần Ngọc Bảo Khuê	9.L3	TH, THCS và THPT Việt Úc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
514	Trần Lê Nguyên Khôi	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
515	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
516	Lê Bảo Ngọc Châu	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
517	Đình Minh Đức	9A1	THCS An Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
518	Phạm Nguyễn Bảo Ngọc	9/1	THCS Xuân Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
519	Nguyễn Hoàng Khánh Vi	9/4	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
520	Lê Bùi Ngọc Trâm	9/1	THCS Xuân Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
521	Sú Quỳnh Như	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
522	Hà Linh Chi	9/4	THCS Trần Quốc Toàn 1	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Địa lý)
523	Lê Ngọc Bảo Trâm	9/6	THCS Dương Văn Thi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
524	Lê Trần Diệp Vy	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
525	Lý Quỳnh Uyên Thu	9/2	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
526	Đình Ngọc Khánh Hân	9/5	THCS Dương Văn Thi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
527	Nguyễn Hoàng Thùy Dương	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
528	Đông Minh Khuê	9/4	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
529	Tôn Nguyễn Bảo Khôi	9A1	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
530	Bùi Thương Thương	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
531	Trần Quang Huy	9A4	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
532	Lê Thị Trà My	9/7	THCS Dương Văn Thi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
533	Lưu Ngọc Ánh	9A3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
534	Trần Đoàn Hoàng Giang	9A3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
535	Lâm Đại Nghĩa	9A2	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
536	Đào Ngọc Bảo Thi	9A1	THCS Trường Thạnh	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
537	Văn Hoàng Quỳnh Như	9/3	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
538	Nguyễn Bảo Hân	9/2	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
539	Nguyễn Trần Tấn Phúc	9/1	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
540	Nguyễn Lê Đan Thy	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
541	Trần Vê Rê Na	9A1	THCS An Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
542	Hoàng Thị Ngọc Minh	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
543	Đỗ Thủy Tiên	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
544	Nguyễn Linh Đan	9A1	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
545	Lê Nguyễn Minh Triết	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
546	Nguyễn Hiếu Thuận	9A1	THCS Trường Thạnh	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
547	Nguyễn Tiến Đạt	9/4	THCS Bình Thọ	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
548	Nguyễn Út Phương Vy	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
549	Nguyễn Vũ Gia Hân	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
550	Trần Thị Trâm Anh	9A3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
551	Lê Trịnh Minh Thu	9/7	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
552	Nguyễn Ngọc Hồng Anh	9/3	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
553	Lê Hoàng Phúc Nguyên	9/4	THCS Trần Quốc Toản 1	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
554	Vũ Vinh Phước Đức	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
555	Lê Sơn Quân	9/3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
556	Nguyễn Minh Hoàng Oanh	9.2	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
557	Nguyễn Khánh Trân	9A3	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
558	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	9.2	THCS Long Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
559	Lâm Ngọc Thảo	9A3	THCS Trường Thạnh	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
560	Nguyễn Hoàng Phi Long	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
561	Lê Trương Minh Huy	9/2	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
562	Nguyễn Minh Tài	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
563	Lê Hoài An	9A1	THCS Long Phước	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
564	Nguyễn Viết Hoàng Long	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
565	Lê Gia Hân	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
566	Nguyễn Minh Quân	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
567	Nguyễn Tuấn Nghĩa	9A9	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
568	Nguyễn Khang Thịnh	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
569	Phạm Hà Dũng	9A6	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
570	Nguyễn Huỳnh Ngọc An	9A7	THCS Nguyễn Văn Bá	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
571	Nguyễn Kim Ngọc	9A3	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
572	Hoàng Thị Kim Ngân	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
573	Nghiêm Hồi Ngọc Ngân	9A1	THCS An Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
574	Võ Lâm Huy	9T1	THCS Hoa Lư	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
575	Lê Trần Bảo Trang	9A1	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
576	Nguyễn Thục Quyên	9M	TH, THCS và THPT EMASI Vạn Phúc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
577	Trần Gia Bình	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
578	Nguyễn Hoài Phú	9.10	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
579	Đào Ngọc Phương Vy	9A1	THCS Phú Hữu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
580	Trịnh Bình Minh	9/1	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
581	Huỳnh Trung Kiên	9/8	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
582	Lê Tấn Phát	9A6	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
583	Phan Thiện Nhân	9A2	THCS An Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
584	Lâm Anh Quân	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
585	Thái Nhân Trí Tài	9A1	THCS Long Trường	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
586	Phạm Hoàng Khánh An	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
587	Đào Duy Minh	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
588	Nguyễn Lê Tuấn Phát	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
589	Nguyễn Trần Ánh Ngân	9.2	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
590	Trần Ngọc Thu Huyền	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
591	Phạm Thúy Kiều	9A5	THCS Hưng Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
592	Vũ Thanh Nhi	9.2	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
593	Lê Ngọc Hà	9/6	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
594	Phạm Ngọc Linh Chi	9/2	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
595	Nguyễn Hải Anh	9/6	THCS Trường Thọ	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
596	Nguyễn Tấn Ngọc Minh	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
597	Lê Đỗ Thiện Minh	9A6	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
598	Đặng Bùi Kiệt	9A1	THCS An Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
599	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	9/5	THCS Trường Thọ	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
600	Trần Ngọc Như Ý	9A4	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
601	Nguyễn Lê Thuận Thiên	9/5	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
602	Hồ Thị Bé Thảo	9C	THCS Cát Lái	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
603	Đinh Thị Thùy Dung	9A5	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
604	Phạm Thị Ngọc Chiểu	9A4	THCS Bình Chiểu	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
605	Lâm Bùi Ngọc Diệu	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
606	Bùi Lan Anh	9A5	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
607	Huỳnh Thị Quỳnh Như	9A2	THCS Trường Thạnh	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
608	Đỗ Bảo Quỳnh Như	9.2	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
609	Trần Kiều Tâm	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
610	Trần Ngọc Nam Phương	9A7	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
611	Lê Nguyễn Kiều Như	9M	TH, THCS và THPT EMASI Vạn Phúc	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
612	Trần Đình Khoa	9A1	THCS An Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
613	Nguyễn Thanh Bình	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
614	Đặng Nguyễn Quỳnh Như	9A1	TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
615	Nguyễn Ánh Dương	9A7	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
616	Nguyễn Thị Băng Châu	9/4	THCS Hiệp Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
617	Lê Hồng Gia Nghi	9A1	THCS Tân Phú	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
618	Đào Nguyễn Ngọc Duyên	9A7	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
619	Phạm Hoàng Hà Linh	9A7	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
620	Nguyễn Đại Lâm	9A3	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
621	Đỗ Ngọc Song Thu	9/2	THCS Tam Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
622	Ngô Huỳnh Thiện Nhân	9.7	THCS Phước Bình	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
623	Nguyễn Châu Uyên My	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
624	Nguyễn Lê Gia Bảo	9/5	THCS Linh Trung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
625	Đỗ Mai Lan	9/5	THCS Trường Thọ	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
626	Trần Đình Khoa	9A3	THCS Lê Quý Đôn	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
627	Huỳnh Quốc Trọng	9A4	THCS Thái Văn Lung	Lịch sử và Địa lý 9 (phân môn Lịch sử)
628	Bùi Trọng Khang	9/3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
629	Võ Nhật Nhã Uyên	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
630	Bùi Ngọc Hân	9/3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
631	Bùi Vũ An Mai	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
632	Nguyễn Ngọc Vi	9A9	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
633	Trần Thu Hà	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ngữ văn 9
634	Nguyễn Ngọc Linh Đan	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
635	Đinh Kiều Oanh	9/2	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
636	Trần Huỳnh Phương Hà	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
637	Tạ Hồng Anh	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
638	Huỳnh Ngọc Mai Anh	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
639	Nguyễn Đoàn Quỳnh Chi	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
640	Lâm Nguyễn Minh Thư	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Ngữ văn 9
641	Phạm Minh Tú	9/2	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
642	Nguyễn Phan Ngọc Uyên	9T1	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
643	Lê Thị Cẩm Tú	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Ngữ văn 9
644	Trần Thu Ngân	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
645	Nguyễn Bảo Anh	9A4	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
646	Đỗ Phương Anh	9.3	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
647	Nguyễn Thị Quỳnh Như	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
648	Vũ Diệu Anh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
649	Trần Phương Anh	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
650	Nguyễn Thị Ánh Dương	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
651	Bùi Phạm Hồng Yến	9.3	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
652	Phan Nguyễn Hà	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
	Trang			
653	Phạm Quỳnh Anh	9.3	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
654	Nguyễn Ngọc Vân Anh	9A7	THCS Trần Quốc Toàn	Ngữ văn 9
655	Huỳnh Thị Ánh Dương	9.4	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
656	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	9A3	THCS Long Trường	Ngữ văn 9
657	Phùng Thị Phương Thảo	9/6	THCS Bình Thọ	Ngữ văn 9
658	Nguyễn Thục Anh	9/1	THCS Trần Quốc Toàn 1	Ngữ văn 9
659	Nguyễn Thiên Hân	9/7	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Ngữ văn 9
660	Lê Nguyễn Anh Thu	9A4	THCS Thái Văn Lung	Ngữ văn 9
661	Lê Kim Ân	9A9	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
662	Nguyễn Ngọc Minh Châu	9A1	THCS Trần Quốc Toàn	Ngữ văn 9
663	Phạm Hoàng Thảo Nguyên	9.1	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
664	Nguyễn Ngọc Diệu Huyền	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
665	Lê Phạm Khả Hân	9A9	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
666	Trần Nguyễn Ngọc Nghi	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
667	Nguyễn Hoàng Phương	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
668	Vy Trần Tuyết Như	9A2	THCS Linh Trung	Ngữ văn 9
669	Bùi Ngọc Quỳnh Như	9A1	THCS Linh Trung	Ngữ văn 9
670	Hồ Yến Nhi	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
671	Nguyễn Thành Nhân	9A2	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
672	Đặng Thị Thu Thanh	9/5	THCS Dương Văn Thị	Ngữ văn 9
673	Nguyễn Lâm Phương	9/3	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
674	Nguyễn Hoàng Yến Chi	9.1	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
675	Phạm Nguyễn Minh Ngọc	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Ngữ văn 9
676	Nguyễn Trần Xuân	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
	Mai			
677	Phạm Nguyễn Quốc Huy	9/2	THCS Lê Văn Việt	Ngữ văn 9
678	Hồ Ngọc Bảo	9A2	THCS Linh Đông	Ngữ văn 9
679	Hồ Như Phúc	9/4	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
680	Lê Hoàng Oanh	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
681	Trần Phạm Gia Như	9A9	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
682	Bùi Thị Thanh Bình	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
683	Đặng Bùi Lan Anh	9/3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
684	Nguyễn Vũ Phương Chi	9/2	THCS Đặng Tấn Tài	Ngữ văn 9
685	Hoàng Phương Anh	9/2	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
686	Hà Đoàn Quỳnh Như	9A10	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
687	Mai Xuân Thy	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
688	Cao Văn Thanh	9/2	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
689	Nguyễn Nhật Anh	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
690	Nguyễn Hồng Ngọc	9A1	THCS An Phú	Ngữ văn 9
691	Nguyễn Ngọc Ánh	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ngữ văn 9
692	Võ An An	9T2	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
693	Nguyễn Ngọc Hà	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
694	Võ Bích Hoa Tiên	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
695	Nguyễn Kim Yên	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
696	Kiều Đăng Quốc Huy	9/1	THCS Linh Trung	Ngữ văn 9
697	Nguyễn Hồ Bảo Hân	9/1	THCS Linh Trung	Ngữ văn 9
698	Nguyễn Phương Nhi	9/1	THCS Tam Bình	Ngữ văn 9
699	Nguyễn Bảo Ngọc	9/8	THCS Trường Thọ	Ngữ văn 9
700	Lâm Phạm Thanh Thúy	9/1	THCS Tam Bình	Ngữ văn 9
701	Phan Thị Yên	9A7	THCS Nguyễn Văn Bá	Ngữ văn 9
702	Trịnh Phương Anh	9A5	THCS Lương Định Của	Ngữ văn 9
703	Phạm Thị Lan Anh	9A4	THCS Nguyễn Thị Định	Ngữ văn 9
704	Quách Thị Như Ngọc	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Ngữ văn 9
705	Hà Phạm Gia Bảo	9/4	THCS Hiệp Phú	Ngữ văn 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
706	Đào Nhật Tân	9A4	THCS Hưng Bình	Ngữ văn 9
707	Khổng Khánh Quỳnh	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
708	Giang Trần Tố Uyên	9.4	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
709	Nguyễn Ngọc Thảo Phương	9A8	THCS Hưng Bình	Ngữ văn 9
710	Nguyễn Vũ Bích Vinh	9/4	THCS Hiệp Phú	Ngữ văn 9
711	Nguyễn Hoàng Đức Bảo	9/3	THCS Dương Văn Thi	Ngữ văn 9
712	Nguyễn Ngọc Minh Thư	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
713	Huỳnh Lê Hưng Thịnh	9/1	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
714	Trần Nguyễn Nhi Quỳnh	9A9	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
715	Trần Ngọc Tú Anh	9A2	TH, THCS & THPT Vinschool	Ngữ văn 9
716	Phạm Thùy Trâm Anh	9A6	THCS Tân Phú	Ngữ văn 9
717	Vũ Lê Quỳnh Lâm	9T1	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
718	Nguyễn Thị Thu Hà	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Ngữ văn 9
719	Vương Hoàng Tuấn Anh	9/3	THCS Bình Thọ	Ngữ văn 9
720	Dương Vũ Trâm Anh	9A2	THCS Linh Đông	Ngữ văn 9
721	Võ Ngọc Vy Phương	9A3	THCS Hiệp Bình	Ngữ văn 9
722	Tạ Minh Lâm	9TH1	THCS Lương Định Của	Ngữ văn 9
723	Nguyễn Hoàng Ngọc Khánh	9A5	THCS Lương Định Của	Ngữ văn 9
724	Biện Nguyễn Vân Khánh	9TH1	THCS Lương Định Của	Ngữ văn 9
725	Tô Triệu Minh Hà	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
726	Trần Hoàng Thanh Ngọc	9A1	THCS An Phú	Ngữ văn 9
727	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	9.10	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
728	Võ Vương Nghi	9TC	THCS Trường Thạnh	Ngữ văn 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
729	Dương Nguyễn Song Phụng	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ngữ văn 9
730	Võ Thục Uyên	9TC	THCS Trường Thạnh	Ngữ văn 9
731	Phạm Ngọc Đan Uyên	9A5	THCS Tân Phú	Ngữ văn 9
732	Nguyễn Kim Khánh	9/1	THCS Trương Văn Ngu	Ngữ văn 9
733	Nguyễn Hồng Nhung	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
734	Phạm Nguyễn Thủy Tiên	9/2	THCS Trường Thọ	Ngữ văn 9
735	Nguyễn Phạm Thủy Tiên	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Ngữ văn 9
736	Nguyễn Hồng Minh Trúc	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Ngữ văn 9
737	Lê Xuân Nghi	9/4	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
738	Vũ Quỳnh Trang	9/1	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
739	Đỗ Gia Anh	9A2	THCS Hiệp Phú	Ngữ văn 9
740	Phạm Ngọc Hân	9/4	THCS Hiệp Phú	Ngữ văn 9
741	Nguyễn Hồng Vinh	9A1	THCS Phú Hữu	Ngữ văn 9
742	Huỳnh Lưu Thục Uyên	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Ngữ văn 9
743	Hoàng Thạch Thảo	9A3	THCS Hoa Lư	Ngữ văn 9
744	Lý Quỳnh Anh	9A1	THCS Hiệp Bình	Ngữ văn 9
745	Hứa Nguyễn Tường An	9A4	THCS Thái Văn Lung	Ngữ văn 9
746	Nguyễn Võ Thảo Nguyên	9A4	THCS Thái Văn Lung	Ngữ văn 9
747	Nguyễn Ngọc Hà My	9/6	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
748	Nguyễn Hà Minh	9TH1	THCS Lương Định Của	Ngữ văn 9
749	Lê Phạm Yên Khánh	9A1	THCS An Phú	Ngữ văn 9
750	Đinh Ngọc Hân	9A1	THCS An Phú	Ngữ văn 9
751	Hoàng Hương Giang	9A1	THCS Nguyễn Thị Định	Ngữ văn 9
752	Hoàng Minh Phương	9/1	THCS Bình An	Ngữ văn 9
753	Nguyễn Bạch Dương	9A6	THCS Tân Phú	Ngữ văn 9
754	Bùi Khánh Linh	9A1	THCS Long Trường	Ngữ văn 9
755	Châu Ngọc Thảo	9A3	THCS Long Trường	Ngữ văn 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
756	Trần Thanh Tuyền	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ngữ văn 9
757	Trần Mỹ Tâm	9.1	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
758	Nguyễn Thị Thùy Trang	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
759	Nguyễn Đăng Minh Anh	9A2	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
760	Võ Bảo Lâm	9/1	THCS Lê Văn Việt	Ngữ văn 9
761	Trịnh Hoa Lâm	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
762	Nguyễn Bảo Ngọc	9/1	THCS Xuân Trường	Ngữ văn 9
763	Nguyễn Thị Minh Thu	9A9	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
764	Tô Hải Vân	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
765	Nguyễn Linh Đan	9/3	THCS Bình An	Ngữ văn 9
766	Phạm Ánh Dương	9B	THCS Cát Lái	Ngữ văn 9
767	Phạm Vương Quốc Ân	9/2	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Ngữ văn 9
768	Bùi Ngọc Ngân Khánh	9/4	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Ngữ văn 9
769	Phạm Nhật Thực Uyên	9/1	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
770	Trần Ngọc Anh Thư	9/4	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Ngữ văn 9
771	Nguyễn Ngọc Anh Thư	9A	THCS Cát Lái	Ngữ văn 9
772	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	9A3	THCS Lương Định Của	Ngữ văn 9
773	Tô Khánh Ngọc	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
774	Hồ Ngọc Thanh Hà	9A1	THCS Long Trường	Ngữ văn 9
775	Thượng Quốc Đại	9A1	THCS Long Trường	Ngữ văn 9
776	Phạm Hải My	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Ngữ văn 9
777	Tường Tuyết Lâm	9A1	THCS Hưng Bình	Ngữ văn 9
778	Văng Ngọc Thủy Tiên	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ngữ văn 9
779	Đinh Thị Hồng Hoa	9/4	THCS Dương Văn Thi	Ngữ văn 9
780	Lê Ngọc Bảo Hân	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
781	Trương Thành Đạt	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Ngữ văn 9
782	Nguyễn Bảo Hà Vy	9A4	THCS Thái Văn Lung	Ngữ văn 9
783	Lê Nguyễn Phương	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
	Trinh			
784	Mai Trần Nhật Nam	9A1	THCS An Phú	Ngữ văn 9
785	Phạm Ngọc Minh Châu	9A2	TH, THCS & THPT Vinschool	Ngữ văn 9
786	Vũ Phương Anh	9A1	THCS Hiệp Phú	Ngữ văn 9
787	Đặng Việt Hoàn	9A1	THCS Tân Phú	Ngữ văn 9
788	Đào Ngọc Linh Chi	9A7	THCS Hưng Bình	Ngữ văn 9
789	Nguyễn Chí Thành	9/4	THCS Hiệp Phú	Ngữ văn 9
790	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ngữ văn 9
791	Võ Thị Tuyết Đan	9A7	THCS Hiệp Bình	Ngữ văn 9
792	Nguyễn Anh Khôi	9A2	THCS Linh Trung	Ngữ văn 9
793	Nguyễn Đặng Mai Hương	9/5	THCS Bình Thọ	Ngữ văn 9
794	Phùng Thị Trúc Nhi	9M	TH, THCS và THPT EMASI Vạn Phúc	Ngữ văn 9
795	Dương Hồ Uyên Nhi	9/1	THCS Xuân Trường	Ngữ văn 9
796	Đào Mai Minh Thư	9A6	THCS Hiệp Bình	Ngữ văn 9
797	Ngô Ánh Tuyết	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Ngữ văn 9
798	Trương Ngọc Khánh Phương	9/3	THCS Bình Thọ	Ngữ văn 9
799	Lại Thị Hồng Vân	9/5	THCS Dương Văn Thi	Ngữ văn 9
800	Tổng Hải Đăng	9ATH	THCS An Phú	Ngữ văn 9
801	Phạm Thảo An	9/8	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Ngữ văn 9
802	Phan Nguyễn Hải Yến	9A1	THCS An Phú	Ngữ văn 9
803	Nguyễn Ngọc Như Ý	9/2	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Ngữ văn 9
804	Hoàng Thủy Tiên	9A1	THCS Tân Phú	Ngữ văn 9
805	Phạm Gia Hân	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
806	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	9A6	THCS Linh Đông	Ngữ văn 9
807	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	9/7	THCS Tam Bình	Ngữ văn 9
808	Nguyễn Ngọc Khả Vy	9A6	THCS Linh Đông	Ngữ văn 9
809	Lê Vân	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Ngữ văn 9
810	Nguyễn Đỗ Thanh	9/1	THCS Tam Bình	Ngữ văn 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
	Trúc			
811	Phạm Lê Ánh Dương	9B	THCS Cát Lái	Ngữ văn 9
812	Bùi Khánh Ngọc	9/5	THCS Trần Quốc Toản 1	Ngữ văn 9
813	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	9A9	THCS Lương Định Của	Ngữ văn 9
814	Phạm Hương Giang	9A1	THCS An Phú	Ngữ văn 9
815	Trần Nguyễn Phương Vy	9A2	THCS An Phú	Ngữ văn 9
816	Phan Thu An	9.4	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
817	Nguyễn Khoa Điền	9.3	THCS Phước Bình	Ngữ văn 9
818	Huỳnh Nhã Kỳ	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Ngữ văn 9
819	Nguyễn Vân Sương	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Ngữ văn 9
820	Nguyễn Ngọc Uyên Như	9A5	THCS Tân Phú	Ngữ văn 9
821	Hoàng Thị Diễm Như	9A1	THCS - THPT Hoa Sen	Ngữ văn 9
822	Ngô Thanh Nhã	9A1	TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Ngữ văn 9
823	Nguyễn Trần Hải Nam	9A9	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
824	Nguyễn Thảo Thủy Tiên	9A7	THCS Hiệp Bình	Ngữ văn 9
825	Đào Huyền Trang	9A9	THCS Bình Chiểu	Ngữ văn 9
826	Trần Thanh Loan	9/4	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
827	Nguyễn Minh Nguyệt	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
828	Lê Khải Anh	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
829	Trần Ngọc Hiểu Nghi	9A3	THCS Lương Định Của	Tiếng Anh 9
830	Phạm Hùng Phú	9/1	THCS Bình An	Tiếng Anh 9
831	Nguyễn Lê Khánh Huyền	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Tiếng Anh 9
832	Trần Nguyễn Đăng Khoa.	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
833	Phan Minh Quân	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
834	Mã Minh Toàn	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
835	Nguyễn Tấn Phát	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
836	Trần Hoàng Quân	9T1	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
837	Nguyễn Gia Kỳ	9A3	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
838	Nguyễn Thị Kim Ngân	9A9	THCS Trần Quốc Toản	Tiếng Anh 9
839	Đào Gia Lương	9/8	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Tiếng Anh 9
840	Hồ Ngọc Thủy Trúc	9/3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
841	Phạm Gia Khánh	9A1	THCS Hưng Bình	Tiếng Anh 9
842	Nguyễn Khánh Trường Giang	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
843	Thái Xuân Quang Nghi	9/4	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
844	Bùi Nguyễn Khánh Duy	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
845	Hồ Quang Minh	9/3	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
846	Hoàng Gia Trường	9TH1	THCS Lương Định Của	Tiếng Anh 9
847	Nguyễn Ngọc Phúc	9A2	TH, THCS & THPT Vinschool	Tiếng Anh 9
848	Hoàng Thọ Minh Khoa	9/4	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
849	Nguyễn Phương Nghi	9/2	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
850	Bùi Nguyễn Minh Nguyệt	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Tiếng Anh 9
851	Huỳnh Trương Minh Thăng	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
852	Mai Quỳnh Nguyên	9B1	TH, THCS & THPT Vinschool	Tiếng Anh 9
853	Nguyễn Hoàng Tú Anh	9B1	TH, THCS & THPT Vinschool	Tiếng Anh 9
854	Trần Ngọc Phương Mai	9A9	THCS Trần Quốc Toản	Tiếng Anh 9
855	Nguyễn Hà Mộc Lan	9/7	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
856	Nguyễn Sỹ Khánh Hưng	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
857	Đỗ Đặng Bảo Ngọc	9A6	THCS Tân Phú	Tiếng Anh 9
858	Đoàn Minh Khôi	9/2	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Tiếng Anh 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
859	Hoàng Tuấn Phong	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
860	Hồ Đắc Huy	9A6	THCS Tân Phú	Tiếng Anh 9
861	Lê Huỳnh Bảo Tiên	9T1	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
862	Phạm Quang Đông	9TH1	THCS Lương Định Của	Tiếng Anh 9
863	Đinh Lữ Thanh Trúc	9/6	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
864	Trần Đặng Gia Phát	9/1	THCS Dương Văn Thi	Tiếng Anh 9
865	Nguyễn Minh Sơn	9/1	THCS Tam Bình	Tiếng Anh 9
866	Nguyễn Thị Minh Tú	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
867	Hồ Thanh Nghiêm	9/2	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Tiếng Anh 9
868	Phạm Quang Huy	9.4	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
869	Phan Đông Nghi	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
870	Trần Lê Khải Hoàn	9A1	TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm	Tiếng Anh 9
871	Đào Tuấn Nguyên	9A5	THCS Tân Phú	Tiếng Anh 9
872	Nguyễn Vương Minh Anh	9/3	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
873	Phạm Nhật Long	9/1	THCS Tam Bình	Tiếng Anh 9
874	Trần Hoàng Như	9/7	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
875	Nguyễn Hà Phương Anh	9ATH	THCS An Phú	Tiếng Anh 9
876	Đào Minh Ngọc	9/6	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
877	Vũ Tạ Hải Yến	9T1	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
878	Nguyễn Á Minh	9/1	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
879	Đoàn Gia Minh	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
880	Lê Quang Đạt	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
881	Huỳnh Hải Minh	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
882	Trần Nam Khang	9A3	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
883	Đỗ Duy Thảo Vy	9/1	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
884	Lê Đức Vinh	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Tiếng Anh 9
885	Ngô Hoàng Lê Hân	9/4	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
886	Đặng Trần Bảo Tiến	9A3	THCS Lương Định Của	Tiếng Anh 9
887	Trịnh Anh Tú	9T2	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
888	Võ Nhật Phương	9A1	THCS Tân Phú	Tiếng Anh 9
889	Lê Ngọc Hân	9A1	THCS Linh Trung	Tiếng Anh 9
890	Lê Phương Anh	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
891	De Groot Minh Anh	9.L3	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
892	Huỳnh Ngọc Minh Thư	9/4	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
893	Trần Vương Tuấn	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
894	Ngô Bảo Tín	9/3	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Tiếng Anh 9
895	Lâm Nhã Uyên	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Tiếng Anh 9
896	Võ Như Quỳnh	9T1	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
897	Trần Ngọc Khánh Chi	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
898	Nguyễn Ngọc Khôi	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
899	Quan Minh Triết	9M	TH, THCS và THPT EMASI Vạn Phúc	Tiếng Anh 9
900	Trương Võ Lam Anh	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
901	Lê Hoàng Phúc Như	9/7	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Tiếng Anh 9
902	Dương Quang Minh Khoa	9.2	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
903	Nguyễn Thảo Trúc	9A2	THCS Thái Văn Lung	Tiếng Anh 9
904	Phạm Linh Đan	9T1	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
905	Nguyễn Duy Hưng	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Tiếng Anh 9
906	Thạch Sơn Anh Kiệt	9/4	THCS Trương Văn Ngu	Tiếng Anh 9
907	Võ Ngọc Phương Nghi	9A2	THCS Linh Trung	Tiếng Anh 9
908	Vương Thùy Lâm	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
909	Nguyễn Bá Thành	9/8	THCS Trần Quốc	Tiếng Anh 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
			Toán 1	
910	Vũ Nguyễn Lâm Như	9B1	TH, THCS & THPT Vinschool	Tiếng Anh 9
911	Đỗ Bảo Thiên Phúc	9A7	THCS Hiệp Bình	Tiếng Anh 9
912	Đỗ Quang Minh Trí	9M	TH, THCS và THPT EMASI Vạn Phúc	Tiếng Anh 9
913	Nguyễn Ngọc Tùng Linh	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
914	Trần Phúc Thịnh	9A2	THCS Nguyễn Thị Định	Tiếng Anh 9
915	Bùi Khánh Đoan	9T2	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
916	Nguyễn Bảo Cường	9T1	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
917	Vũ Lê Khánh Ngọc	9A7	THCS Hiệp Bình	Tiếng Anh 9
918	Hồ Chí Bảo Lộc	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
919	Trần Long Bảo Phúc	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
920	Trần Đức Trung	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tiếng Anh 9
921	Ngô Hà Đăng	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
922	Nguyễn Phạm Phương Nghi	9A4	THCS Thái Văn Lung	Tiếng Anh 9
923	Thái Hoàng Diễm Linh	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
924	Đình Nguyễn Bảo Hân	9A7	THCS Hiệp Bình	Tiếng Anh 9
925	Phan Trọng Tấn	9ATH	THCS An Phú	Tiếng Anh 9
926	Nguyễn Minh Đức	9.10	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
927	Nguyễn Hải Yến	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tiếng Anh 9
928	Đỗ Thanh Ngân	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
929	Huỳnh Minh Nhật	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Tiếng Anh 9
930	Nguyễn Vũ Nam	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
931	Lê Duy Hưng	9.1	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
932	Long Phúc Bình Minh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
933	Nguyễn Hoàng Hương Giang	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
934	Lê Hoàng Minh Khoa	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
935	Trần Phan Quỳnh Như	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Tiếng Anh 9
936	Trương Triệu Ngân	9A9	THCS Trần Quốc Toản	Tiếng Anh 9
937	Lê Đức Minh	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
938	Đinh Thiên Hương	9A9	THCS Trần Quốc Toản	Tiếng Anh 9
939	Vũ Hoàng Linh Nghi	9A1	THCS Bình Chiểu	Tiếng Anh 9
940	Nguyễn Đan Thanh	9A7	THCS Hiệp Bình	Tiếng Anh 9
941	Nguyễn Mạnh Tân	9/2	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
942	Ngô Bảo Ngân Kim	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
943	Phạm Hà Ngọc Hân	9TH2	THCS Lương Định Của	Tiếng Anh 9
944	Huỳnh Dương Nhã Vy	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
945	Phạm Châu Gia Quốc	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
946	Phạm Hà Hân Anh	9A1	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
947	Nguyễn Nhã Đan	9/6	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
948	Huỳnh Sa Biên	9A1	THCS An Phú	Tiếng Anh 9
949	Đoàn Thiên Hồng Ân	9A3	THCS Hoa Lư	Tiếng Anh 9
950	Nguyễn Vũ Thịnh	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Tiếng Anh 9
951	Nguyễn Vương Khôi	9/1	THCS Lê Văn Việt	Tiếng Anh 9
952	Chu Quang Nam	9/1	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
953	Ngô Thiên An	9.2	THCS Long Bình	Tiếng Anh 9
954	Lê Trần Sỹ Long	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tiếng Anh 9
955	Thái Huỳnh Gia Hân	9A1	THCS Hưng Bình	Tiếng Anh 9
956	Lê Mai Anh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
957	Nguyễn Minh Quân	9A4	THCS Thái Văn Lung	Tiếng Anh 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
958	Nguyễn Hoàng Thảo Nguyên	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
959	Trần Đình Bảo Duy	9TC	THCS Trường Thạnh	Tiếng Anh 9
960	Đặng Ngọc Tường Vy	9A2	TH, THCS & THPT Vinschool	Tiếng Anh 9
961	Nguyễn Tuấn Khải	9A1	THCS Linh Trung	Tiếng Anh 9
962	Đinh Ngọc Sáng Thành	9/2	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
963	Hoàng Duy Quốc Việt	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
964	Lê Bảo Châu	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
965	Nguyễn Phúc Thiên Thư	9A1	THCS Nguyễn Thị Định	Tiếng Anh 9
966	Vũ Bảo Hân	9/4	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Tiếng Anh 9
967	Võ Ái Nhân	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
968	Trương Hạo Nhiên	9A1	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
969	Quách Nguyễn Bảo Ngọc	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
970	Lê Việt An	9.2	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
971	Lê Trà Uyên Nhi	9A1	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
972	Vũ Minh Đức	9A2	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
973	Nguyễn Khánh Linh	9A1	THCS Linh Trung	Tiếng Anh 9
974	Đặng Hải Đăng	9ATH	THCS An Phú	Tiếng Anh 9
975	Lưu Hoàng Minh Khôi	9.L3	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
976	Nguyễn Ngọc Giáng My	9/8	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Tiếng Anh 9
977	Nguyễn Duy Anh	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tiếng Anh 9
978	Nguyễn Đức Tài	9.2	THCS Long Bình	Tiếng Anh 9
979	Nguyễn Thành Huân	9/1	THCS Tam Bình	Tiếng Anh 9
980	Nguyễn Thanh Hiền	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
981	Đỗ Hương Giang	9A9	THCS Bình Chiểu	Tiếng Anh 9
982	Võ Tiến Minh	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
983	Đoàn Gia Phát	9/2	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
984	Trần Hoàng Yến	9A2	THCS Linh Trung	Tiếng Anh 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
985	Đặng Nguyên Vũ	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
986	Nguyễn Duy An	9.L3	TH, THCS và THPT Việt Úc	Tiếng Anh 9
987	Dương Bảo Nhi	9A1	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
988	Lai Tổng Mộc Trân	9.3	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
989	Hoàng Thanh Lâm	9A1	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
990	Nguyễn Thành Khang	9ATH	THCS An Phú	Tiếng Anh 9
991	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	9A1	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
992	Lưu Minh Quân	9A1	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
993	Trần Nguyễn Ngọc Diệp	9A1	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
994	Trần Quang Huy	9A5	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
995	Nguyễn Vũ Bảo Hân	9A1	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
996	Trương Nguyễn Bảo Lâm	9A7	THCS Hiệp Bình	Tiếng Anh 9
997	Trần Huỳnh Bảo Thy	9A7	THCS Hiệp Bình	Tiếng Anh 9
998	Đào Mai Ngọc Quyên	9A4	THCS Thái Văn Lung	Tiếng Anh 9
999	Đỗ Thành Trung	9A4	THCS Thái Văn Lung	Tiếng Anh 9
1000	Dương Xuân Tuấn Anh	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Tiếng Anh 9
1001	Phan Vinh Hiền	9.1	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
1002	Trương Tấn Nguyên Khôi	9/1	THCS Lê Văn Việt	Tiếng Anh 9
1003	Nguyễn Gia Khang	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
1004	Dương Khánh Ngọc	9/1	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
1005	Lâm Hoàng Minh	9/2	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
1006	Trần Quang Kiệt	9TC	THCS Trường Thạnh	Tiếng Anh 9
1007	Lê Thanh Vân	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tiếng Anh 9
1008	Huỳnh Phạm Minh Huy	9/2	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
1009	Nguyễn Thành Đăng Khoa	9A3	THCS Hiệp Bình	Tiếng Anh 9
1010	Nguyễn Quỳnh Nhã	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
	Phuong			
1011	Mai Châu Giang	9A2	THCS Nguyễn Thị Định	Tiếng Anh 9
1012	Lê Minh Nhật	9A1	THCS Hưng Bình	Tiếng Anh 9
1013	Hồ Ngọc Phương Linh	9/3	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
1014	Nguyễn Phan Minh Kha	9/8	THCS Trần Quốc Toản 1	Tiếng Anh 9
1015	Nguyễn Thùy Dương	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tiếng Anh 9
1016	Nguyễn Văn Phương	9.2	THCS Phước Bình	Tiếng Anh 9
1017	Vũ Thị Châu Anh	9/2	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
1018	Lê Trần Tuấn Kiệt	9/1	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
1019	Đường Thanh Hà	9ATH	THCS An Phú	Tiếng Anh 9
1020	Phạm Ngọc Hoàng Oanh	9/1	THCS Bình An	Tiếng Anh 9
1021	Lê Khôi Nguyên	9A3	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
1022	Lê Vĩnh Thụy	9A2	THCS Linh Trung	Tiếng Anh 9
1023	Nguyễn Thị Thùy Vân	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
1024	Nguyễn Hồng Uyên Nhi	9/5	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
1025	Hoàng Diệu Ngọc	9A1	THCS Tân Phú	Tiếng Anh 9
1026	Mai Anh Quân	9A1	THCS Hưng Bình	Tiếng Anh 9
1027	Nguyễn Hà Linh	9/1	THCS Bình Thọ	Tiếng Anh 9
1028	Nguyễn Bá Phước	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Tiếng Anh 9
1029	Võ Lâm Thanh Trúc	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
1030	Huỳnh Nguyễn Tuấn Khôi	9TH1	THCS Lương Định Của	Tiếng Anh 9
1031	Ngô Trường Nguyên Khang	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Tiếng Anh 9
1032	Lương Gia Bảo	9A1	THCS Hiệp Phú	Tiếng Anh 9
1033	Vương Trần Anh Khoa	9/1	THCS Trường Thọ	Tiếng Anh 9
1034	Nguyễn Mậu Quỳnh Na	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Tiếng Anh 9
1035	Đào Trúc Phương	9/1	THCS Tam Bình	Tiếng Anh 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
1036	Nguyễn Phú An Nhiên	9A1	THCS Linh Đông	Tiếng Anh 9
1037	Trương Vũ Linh Đan	9TC	THCS Trường Thạnh	Tin học 9
1038	Bùi Nguyễn Đông Quân	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tin học 9
1039	Lê Bảo Như	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Tin học 9
1040	Đào Lê Nhật Minh	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Tin học 9
1041	Phạm Quang Bình	9/3	THCS Bình Thọ	Tin học 9
1042	Đặng Gia Bảo	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
1043	Huỳnh Khải Đông	9A3	THCS Hoa Lư	Tin học 9
1044	Trương Hoàng Nam	9A3	THCS Hiệp Phú	Tin học 9
1045	Lê Thị Bảo Linh	9A2	THCS Hiệp Phú	Tin học 9
1046	Hồ Quốc Thịnh	9A2	THCS Linh Trung	Tin học 9
1047	Nguyễn Bảo Nam	9/8	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu	Tin học 9
1048	Nguyễn Công Anh	9A7	THCS Hiệp Bình	Tin học 9
1049	Phan Khánh Linh	9A3	THCS Lương Định Cửa	Tin học 9
1050	Võ Ngọc Lan	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Tin học 9
1051	Trần Nguyễn Ngọc Hân	9TC	THCS Trường Thạnh	Tin học 9
1052	Hoàng Hải Đăng	9A1	THCS Trường Thạnh	Tin học 9
1053	Trần Văn Dũng	9T1	THCS Hoa Lư	Tin học 9
1054	Lê Nguyễn Trung Dũng	9A9	THCS Trần Quốc Toản	Tin học 9
1055	Võ Hoàng Minh Anh	9A1	THCS Trường Thạnh	Tin học 9
1056	Võ Lý Minh An	9A1	THCS Hiệp Phú	Tin học 9
1057	Nguyễn Thế Nhật	9A6	THCS Tân Phú	Tin học 9
1058	Nguyễn Tấn Lộc	9A1	THCS Long Trường	Tin học 9
1059	Lê Thái Linh	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
1060	Nguyễn Văn Gia Huy	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
1061	Đặng Hoàng Dũng	9A9	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
1062	Phạm Thị Thanh Ngân	9A7	THCS Nguyễn Văn Bá	Tin học 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
1063	Lê Minh Hưng	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tin học 9
1064	Trần Nhất Long	9/6	THCS Hiệp Phú	Tin học 9
1065	Nguyễn Anh Khoa	9/1	THCS Xuân Trường	Tin học 9
1066	Nguyễn Quang Trung	9/1	THCS Xuân Trường	Tin học 9
1067	Hà Nguyễn Minh Tuấn	9A2	THCS Hiệp Phú	Tin học 9
1068	Đào Duy Khang	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tin học 9
1069	Phạm Gia Tuệ	9TC	THCS Trường Thạnh	Tin học 9
1070	Bành Thiên Phúc	9/5	THCS Hiệp Phú	Tin học 9
1071	Phạm Gia Trường Phát	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Tin học 9
1072	Cao Trúc Linh	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
1073	Nguyễn Hoàng Anh Thư	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
1074	Nguyễn Minh Đức	9A1	THCS Tân Phú	Tin học 9
1075	Lê Thành Đạt	9A1	THCS Long Trường	Tin học 9
1076	Nguyễn Hữu Thịnh	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Tin học 9
1077	Nguyễn Đôn Hy	9/1	THCS Xuân Trường	Tin học 9
1078	Nguyễn Thị Hồng Tươi	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
1079	Trương Bảo Ngọc	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
1080	Nguyễn Thế Hữu	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
1081	Lê Thị Như Huỳnh	9/1	THCS Xuân Trường	Tin học 9
1082	Võ Lê Tâm	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
1083	Võ Phương An	9/3	THCS Hoa Lư	Tin học 9
1084	Nguyễn Ngọc Thảo Trâm	9A3	THCS Trần Quốc Toản	Tin học 9
1085	Lê Vũ Thanh Phát	9A1	THCS Linh Trung	Tin học 9
1086	Dương Nguyễn Đăng Khoa	9A1	THCS An Phú	Tin học 9
1087	Ngô Gia Bảo	9A1	THCS Tân Phú	Tin học 9
1088	Nguyễn Huệ Như	9/3	THCS Tăng Nhơn Phú B	Tin học 9
1089	Phan Mỹ Trân	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
1090	Dương Huỳnh Gia Huy	9A1	THCS Long Trường	Tin học 9
1091	Nguyễn Minh Tiến	9A1	THCS Long Trường	Tin học 9
1092	Võ Nguyễn Gia Phúc	9A1	THCS Long Trường	Tin học 9
1093	Nguyễn Vũ Phúc Hưng	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Tin học 9
1094	Lê Nguyễn Hồng Phát	9A1	THCS Hiệp Phú	Toán 9
1095	Phạm Đức Đại	9/3	THCS Hoa Lư	Toán 9
1096	Thạch Đặng Minh Khang	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
1097	Lê Đức Trung	9T1	THCS Hoa Lư	Toán 9
1098	Lâm Tấn Phát	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1099	Nguyễn Chánh Tâm	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
1100	Bàn Viễn Thanh Giang	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1101	Bành Tiến Đạt	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
1102	Võ Đăng Nhân	9/7	THCS Bình Thọ	Toán 9
1103	Lữ Trần Quỳnh Lan	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
1104	Đặng Quỳnh Như	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1105	Đặng Thái Vinh	9A3	THCS Hoa Lư	Toán 9
1106	Hoàng Minh Quân	9A3	THCS Hoa Lư	Toán 9
1107	Đặng Ngọc Hoàng Huy	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1108	Huỳnh Tấn Phát	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1109	Nguyễn Phú Trọng	9A3	THCS Hoa Lư	Toán 9
1110	Nguyễn Hải Đăng	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
1111	Nguyễn Đăng Tâm	9/2	THCS Bình Thọ	Toán 9
1112	Nguyễn Ngọc Phương Vy	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
1113	Nguyễn Trọng Đức Huy	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
1114	Vũ Tấn Tài	9/3	THCS Hoa Lư	Toán 9
1115	Hồ Phương Chi	9/1	THCS Bình Thọ	Toán 9
1116	Trần Thị Thảo Nguyễn	9/1	THCS Lê Văn Việt	Toán 9
1117	Huỳnh Đình Triết	9/2	THCS Trường Thọ	Toán 9
1118	Trịnh Ngọc Hải	9A6	THCS Tân Phú	Toán 9
1119	Nguyễn Đình Minh Quân	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1120	Hình Phước Khanh	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
1121	Phan Quỳnh Hương	9TH1	THCS Lương Định Cửa	Toán 9
1122	Trương Phạm Khánh Ngọc	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
1123	Lê Nguyễn Anh Thy	9A1	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
1124	Trần Ngọc Thọ	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
1125	Trần Đức Huy	9A3	THCS Hoa Lư	Toán 9
1126	Hoàng Ngọc Phương Nhi	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1127	Huỳnh Minh Quân	9T1	THCS Hoa Lư	Toán 9
1128	Phạm Trần Hải Yến	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1129	Nguyễn Tiến Đạt	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
1130	Nguyễn Huy Hoàng	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
1131	Nguyễn Hải Bình	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1132	Nguyễn Lê Hoàng	9T2	THCS Hoa Lư	Toán 9
1133	Nguyễn Thảo Phước	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1134	Nguyễn Trần Nhã Trúc	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1135	Hoàng Tiến Đạt	9A10	THCS Bình Chiểu	Toán 9
1136	Trần Quang Huy	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
1137	Nguyễn Lê Đăng Khoa	9/3	THCS Trương Văn Ngư	Toán 9
1138	Nguyễn Ngọc An	9/3	THCS Bình Thọ	Toán 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
	Nhiên			
1139	Võ Lê Bích Trâm	9A7	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
1140	Nguyễn Huỳnh Anh Khoa	9.4	THCS Phước Bình	Toán 9
1141	Cao Tường Lam	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
1142	Nguyễn Lê Phương Vy	9/3	THCS Trương Văn Ngu	Toán 9
1143	Hồ Gia Huy	9TH1	THCS Lương Định Của	Toán 9
1144	Chu Công Thành	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
1145	Trần Khánh Ngọc	9A6	THCS Tân Phú	Toán 9
1146	Đỗ Trương Thành Tài	9A1	THCS Hiệp Phú	Toán 9
1147	Nguyễn Trần Bảo Uyên	9A1	THCS Hoa Lư	Toán 9
1148	Phạm Hoàng Bảo Châu	9/2	THCS Bình Thọ	Toán 9
1149	Đinh Thị Mai Hương	9A10	THCS Bình Chiểu	Toán 9
1150	Nguyễn Minh Khôi	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
1151	Võ Tấn Lộc	9A1	THCS Trường Thạnh	Toán 9
1152	Huỳnh Vân Khánh	9A5	THCS Linh Đông	Toán 9
1153	Lường Cao Sơn	9A10	THCS Bình Chiểu	Toán 9
1154	Nguyễn Hoàng Phước Sang	9A2	THCS Nguyễn Thị Định	Toán 9
1155	Nguyễn Tuấn Khoa	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1156	Lưu Bá Tuấn Minh	9A1	THCS Hiệp Phú	Toán 9
1157	Nguyễn Nhật Duy	9A1	THCS Linh Trung	Toán 9
1158	Nguyễn Thảo Nhi	9A2	THCS An Phú	Toán 9
1159	Nguyễn Phan Gia Phú	9A2	THCS Hiệp Phú	Toán 9
1160	Nguyễn Đăng Dũng	9A10	THCS Bình Chiểu	Toán 9
1161	Nguyễn Trọng Khôi	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
1162	Bùi Phú Thiện Nhân	9ATH	THCS An Phú	Toán 9
1163	Nguyễn Khánh Linh	9/5	THCS Nguyễn Văn	Toán 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
			Trôi	
1164	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	9A3	THCS Hoa Lư	Toán 9
1165	Lê Quốc Bảo	9.4	THCS Phước Bình	Toán 9
1166	Phan Mỹ Hoàng Anh	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
1167	Trần Phương Vy	9A6	THCS Lương Định Của	Toán 9
1168	Hồ Nguyễn Hưng	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1169	Phạm Đông Quân	9T2	THCS Hoa Lư	Toán 9
1170	Nguyễn Võ Việt Thanh	9.1	THCS Long Bình	Toán 9
1171	Nguyễn Huy Hoàng	9A2	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
1172	Ngô Mai Trân	9A10	THCS Bình Chiểu	Toán 9
1173	Nguyễn Tiến Dũng	9A5	THCS Tân Phú	Toán 9
1174	Nguyễn Đăng Quỳnh Chi	9.1	THCS Phước Bình	Toán 9
1175	Huỳnh Phước Huy	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Toán 9
1176	Lê Minh Nhật	9.3	THCS Phước Bình	Toán 9
1177	Trương Tấn Thiên Phúc	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Toán 9
1178	Bùi Phương Uyên	9A8	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1179	Phạm Thùy Dương	9A4	THCS Thái Văn Lung	Toán 9
1180	Đào Tuấn Khang	9A2	THCS Linh Trung	Toán 9
1181	Cao Minh Huy	9A1	THCS An Phú	Toán 9
1182	Trần Ngọc Minh Khanh	9A1	THCS Hưng Bình	Toán 9
1183	Nguyễn Ngọc Gia Khang	9/1	THCS Tam Bình	Toán 9
1184	Trần An Khánh	9A1	THCS An Phú	Toán 9
1185	Vũ Hùng Anh	9.1	THCS Phước Bình	Toán 9
1186	Phạm Nguyễn Quỳnh Như	9.1	THCS Phước Bình	Toán 9
1187	Nguyễn Mai Phương	9A3	THCS Hoa Lư	Toán 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
1188	Vũ Trần Ngọc Phúc	9.1	THCS Phước Bình	Toán 9
1189	Nguyễn Quang Hào	9A6	THCS Nguyễn Văn Bá	Toán 9
1190	Nguyễn Minh Đức	9A3	THCS Hoa Lư	Toán 9
1191	Ngô Minh Đức	9T1	THCS Hoa Lư	Toán 9
1192	Nguyễn Hải Lâm	9A2	THCS Tăng Nhơn Phú B	Toán 9
1193	Nguyễn Ngọc Minh Thư	9.2	THCS Long Bình	Toán 9
1194	Trần Nguyễn Phương Hà	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
1195	Nguyễn Võ Thủy Tiên	9A3	THCS Ngô Chí Quốc	Toán 9
1196	Chu Nguyễn Quốc Cường	9/3	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
1197	Huỳnh Nguyễn	9A3	THCS Lương Định Của	Toán 9
1198	Trần Nguyễn Khả Nhi	9A8	THCS Hưng Bình	Toán 9
1199	Liêu Khánh Ngọc	9A1	THCS Trường Thạnh	Toán 9
1200	Đoàn Nguyễn Bảo Ngọc	9A5	THCS Tân Phú	Toán 9
1201	Nguyễn Quốc Bảo Nam	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1202	Nguyễn Thanh Hải	9A1	THCS Hiệp Bình	Toán 9
1203	Trịnh Quốc Định	9A9	THCS Bình Chiểu	Toán 9
1204	Ca Hồ Bảo Nam	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
1205	Nguyễn Thế Thuận	9A7	THCS Hiệp Bình	Toán 9
1206	Lê Ngọc Diệp	9A1	THCS An Phú	Toán 9
1207	Nguyễn Thủy Dương	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
1208	Ông Gia Phát	9/7	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
1209	Huỳnh Trí Thành	9A1	THCS An Phú	Toán 9
1210	Trần Võ Minh Triết	9T2	THCS Hoa Lư	Toán 9
1211	Dương Nguyễn Hoài An	9/1	THCS Xuân Trường	Toán 9
1212	Nguyễn Trần Gia	9/1	THCS Trương Văn	Toán 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
	Hinh		Ngư	
1213	Phạm Khánh Linh	9A1	THCS Linh Trung	Toán 9
1214	Mai Đông Quỳnh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
1215	Vòng Lê Minh Uyên	9A1	THCS Linh Đông	Toán 9
1216	Đỗ Quỳnh Châu	9/1	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Toán 9
1217	Phạm Hoàng Hải	9/1	THCS Bình An	Toán 9
1218	Nguyễn Ngọc Thảo Hân	9A2	THCS Hoa Lư	Toán 9
1219	Hoàng Thái Dương	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Toán 9
1220	Phạm Hải An	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1221	Nguyễn Quang Huy	9A1	THCS Tân Phú	Toán 9
1222	Đặng Thông Tấn	9A1	THCS Tăng Nhơn Phú B	Toán 9
1223	Trần Văn Minh Hùng	9/5	THCS Bình Thọ	Toán 9
1224	Phạm Hoàng Mộc Lam	9/5	THCS Bình Thọ	Toán 9
1225	Phạm Minh Khôi	9A3	THCS Linh Đông	Toán 9
1226	Phạm Hữu Nguyên Khang	9/5	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
1227	Nguyễn Bình Minh	9/6	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
1228	Nguyễn Anh Khôi	9.1	THCS Phước Bình	Toán 9
1229	Mai Đức Tùng Lĩnh	9A7	THCS Hiệp Bình	Toán 9
1230	Nguyễn Thanh Tiến Nam	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
1231	Trần Nguyễn Minh Thiên	9/2	THCS Bình Thọ	Toán 9
1232	Nguyễn Hoàng Gia Phúc	9A7	THCS Hiệp Bình	Toán 9
1233	Văn Triệu Vũ	9/1	THCS Giồng Ông Tố	Toán 9
1234	Trịnh Minh Huy	9A1	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1235	Nguyễn Việt Trí	9.1	THCS Phước Bình	Toán 9
1236	Nguyễn Quỳnh Như	9/1	THCS Xuân Trường	Toán 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
1237	Vũ Ngọc Thiên An	9/2	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
1238	Phạm Kim Cao Hưng	9A7	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1239	Hoàng Minh Phúc	9A4	THCS Trần Quốc Toản	Toán 9
1240	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	9A6	THCS Tân Phú	Toán 9
1241	Lê Hồ Minh Trí	9A1	THCS Tân Phú	Toán 9
1242	Bùi Hà Trang	9.2	THCS Phước Bình	Toán 9
1243	Phạm Thế Bảo	9/1	THCS Trương Văn Ngu	Toán 9
1244	Vương Tuấn	9A5	THCS Linh Đông	Toán 9
1245	Cao Mạnh Tuấn	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
1246	Nguyễn Toàn Thịnh	9/1	THCS Xuân Trường	Toán 9
1247	Nguyễn Mạnh Quân	9/2	THCS Bình An	Toán 9
1248	Nguyễn Văn Tuấn Kiệt	9A1	THCS Hoa Lư	Toán 9
1249	Ngô Ngọc Bình Minh	9A6	THCS Tân Phú	Toán 9
1250	Nguyễn Hữu Khôi	9A1	THCS Hiệp Phú	Toán 9
1251	Nguyễn Mạnh Tường	9.3	THCS Phước Bình	Toán 9
1252	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
1253	Chu Gia Bảo	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
1254	Chu Thiên Ngọc Loan	9A11	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
1255	Nguyễn Nam Khang	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
1256	Lê Vĩnh Khang	9A6	THCS Lương Định Của	Toán 9
1257	Lê Thị Thu Thủy	9/3	THCS Thạnh Mỹ Lợi	Toán 9
1258	Trần Bảo Gia An	9.4	THCS Phước Bình	Toán 9
1259	Mai Tuấn Quang	9A1	THCS Linh Đông	Toán 9
1260	Phạm Minh Vũ	9A2	THCS Linh Trung	Toán 9
1261	Lê Việt Anh	9/1	THCS Giồng Ông Tố	Toán 9
1262	Lê Nam Anh	9/1	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	TRƯỜNG	MÔN
1263	Phạm Ngọc Thu Giang	9TH2	THCS Lương Định Của	Toán 9
1264	Phạm Trần Tiến Nam	9/4	THCS Trần Quốc Toản 1	Toán 9
1265	Thi Hoàng Minh	9.L4	TH, THCS và THPT Việt Úc	Toán 9
1266	Phạm Tuấn Minh	9A	THCS Cát Lái	Toán 9
1267	Hứa Quốc Bảo	9A1	THCS Hiệp Phú	Toán 9
1268	Nguyễn Huy Hoàng	9.1	THCS Phước Bình	Toán 9
1269	Nguyễn Dương Thành Nhật	9A1	THCS Hiệp Phú	Toán 9
1270	Vũ Lê Như Ngọc	9A7	THCS Hiệp Bình	Toán 9
1271	Phạm Thị Ngọc Thanh	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Toán 9
1272	Nguyễn Minh Đức	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Toán 9
1273	Nguyễn Hoàng Nam	9/1	THCS Lê Văn Việt	Toán 9
1274	Bùi Xuân Thắng	9/1	THCS Trương Văn Ngự	Toán 9
1275	Phạm Vũ Ý Huy	9/1	THCS Giồng Ông Tố	Toán 9
1276	Đặng Thành Tài	9/1	THCS Giồng Ông Tố	Toán 9
1277	Phạm Hoàng Anh	9A1	THCS Đặng Tấn Tài	Toán 9
1278	Trần Xuân Hiếu	9.4	THCS Phước Bình	Toán 9
1279	Nguyễn Hải Anh	9/6	THCS Dương Văn Thi	Toán 9
1280	Nguyễn Công Đông	9/1	THCS Xuân Trường	Toán 9
1281	Bùi Hoàng Tuấn Khoa	9A7	THCS Hiệp Bình	Toán 9
1282	Nguyễn Phúc Thịnh	9A2	THCS Linh Đông	Toán 9

Tổng cộng có 1282 học sinh được công nhận./.